

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2025
V/v: Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 16/01/2025 về việc: Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số A, tổ C, ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); tạm trú: Số A, đường A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh), yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số A, Tổ C, ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ tạm trú: Số A, đường C, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị T1 kết hôn năm 2004 và có 03 con chung. Năm 2022 ông T và bà T1 ly hôn. Tại Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về

việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, đã quyết định: “Về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/03/2005 cho bà Lê Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 cho ông Nguyễn Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Quốc T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung”.

Ông T và bà T1 đã thực hiện đúng thỏa thuận theo nội dung Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Tuy nhiên, hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/03/2005 đã trên 18 tuổi và 02 con chung Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/10/2017 đã lớn nên chi phí ăn học và sinh hoạt hàng ngày rất nhiều trong khi thu nhập của ông T giảm do kinh tế khó khăn. Ông T đã liên lạc đề nghị bà T1 phụ giúp tiền nuôi hai con hàng tháng, tuy nhiên bà T1 không đồng ý. Do đó, thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung tại Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi con đến khi đủ 18 tuổi.

Ông T cung cấp chứng cứ là các phiếu thu tiền đóng bảo hiểm y tế, tiền khám chữa bệnh, biên nhận đóng tiền học phí ông T đã đóng cho 02 con và giấy tờ chứng minh kết quả học tập của 02 con.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025, bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày:

Theo Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, bà T1 đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/03/2005 đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay bà T1 không có việc làm và tinh thần không ổn định, đang điều trị bệnh nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con đến khi đủ 18 tuổi theo yêu cầu của ông T. Trường hợp ông T không có khả năng nuôi con thì giao 01 hoặc 02 con tùy theo ông T quyết định để bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi con.

Bà T1 cung cấp chứng cứ gồm: Kết quả khám, siêu âm, đo điện não, đơn thuốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giao cho bà T1 nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/3/2005, hiện nay cháu T2 đã đủ 18 tuổi và bà T1 không còn nuôi dưỡng con chung nào. Trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung sau ly hôn là của cha và mẹ nên bà T1 cũng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình. Bà T1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu ông T giao cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng một hoặc cả hai người con nhưng ông T không đồng ý nên không có căn cứ để xem xét, bà T1 có quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng vụ án khác.

Theo lời trình bày của bà T1 cũng như tài liệu chứng cứ do bà T1 cung cấp, hiện tại bà T1 không có công việc ổn định và đang điều trị bệnh. Việc ông T yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đồng/tháng/con không phù hợp với khả năng thực tế của bà T1. Căn cứ vào tình hình thực tế và theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T1 cấp dưỡng nuôi 02 con 2.500.000đồng/tháng/01con đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chỉ đến Tòa án trực tiếp tham gia tố tụng ngày 14/02/2025 sau đó vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Ngày 02/7/2025, ông Nguyễn Quốc T có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Quốc T yêu cầu bà Lê Thị T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 mỗi tháng 5.000.000 đồng/01 con. Bà Lê Thị T1 không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của ông T.

[3] Tại Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giao cho bà T1 trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/3/2005. Giao cho ông Nguyễn Quốc T trực tiếp nuôi 02 con tên Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017. Ông T, bà T1 không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

[4] Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh ngày 10/3/2005 đã đủ 18 tuổi trong khi chi phí học tập và sinh hoạt hàng ngày của hai cháu Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 đã thay đổi dựa trên các chi phí thực tế ông T giao nộp để chứng minh cho yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, trường hợp ông T không nuôi con thì giao cho bà T1 trực tiếp nuôi một hoặc cả hai con và nhưng ông T không đồng ý giao con cho bà T1 nuôi, bà T1 không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Bà T1 giao nộp kết quả khám sức khỏe tổng quát tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H và kết quả khám tại Bệnh viện T4 để chứng minh đang điều trị trạng thái ức chế, suy nhược. Do đó, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi người con theo yêu cầu của ông T không phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được, Tòa án sẽ quyết định mức cấp dưỡng nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú cho mỗi con.

Theo quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, mức lương tối thiểu vùng tại thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nơi bà T1 cư trú là 4.960.000 đồng/tháng nên mức cấp dưỡng tối thiểu bà T1 phải cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[9] Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Bà Lê Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a, khoản 6, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T đối với bị đơn bà Lê Thị T1 về việc: Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con.

Buộc bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng cho mỗi người con.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 21/7/2025 đến khi 02 cháu Nguyễn Lê Minh P, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Lê Minh T3, sinh ngày 02/01/2017 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Khi Bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Bà Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lan Hương